

Bản án số: 65/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/7/2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trương Ngọc Nhân, bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: ông Tô Hoài –
Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/HNGĐ – TLST ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Cao Thị T; sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Cao Hồng L; sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn Thanh Lâm, xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình;
vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2021 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

- về hôn nhân: chị và anh L kết hôn năm 2017 tại UBND xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống hai vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh L thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ, con, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2016, hiện tại chị T cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh L nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh L.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Hoàng Tô U, sinh ngày 11/4/2006 và Cao Nhật Đ, sinh ngày 06/10/2012, hiện tại hai con đang ở với chị T, nguyện vọng của chị T là xin được nuôi hai con và yêu cầu anh L lĩnh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000/con.

- tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- tại bản tự khai ngày 01/6/2021 của cháu U và Đ đều có nguyện vọng được ở với chị Tánh.

Ngày 17/6/2021, Tòa án xác minh việc vắng mặt của anh L tại Công an xã Hóa Thanh được biết anh L có hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh Lâm, xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, hiện tại có mặt tại địa phương. Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nhà của ông Đinh Chí Quyết – là trưởng thôn T được biết anh L hiện tại có mặt tại địa phương, anh L là người nghiện rượu, rất khó tiếp xúc, thường xuyên gây gổ làm mất an ninh ở thôn, xóm.

Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, thông báo mở lại phiên tòa tại UBND xã Hóa Thanh và trụ sở TAND huyện Minh Hóa.

Anh L không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh L không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 02/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị T, anh L. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị T và anh Cao Hồng L; về con chung: giao hai con chung là cháu Cao Hoàng Tố U, sinh ngày 11/4/2006 và Cao Nhật Đ, sinh ngày 06/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đ/con; tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; chị T và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh L, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh L kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T: vợ chồng chị T và anh L không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ, con, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2016. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh L đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có hai con chung là Cao Hoàng Tô U, sinh ngày 11/4/2006 và Cao Nhật Đ, sinh ngày 06/10/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại hai con đang ở chị T, cháu U và Đ có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu U, Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 700.000 đ/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh L vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của chị T. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[6]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[7]. Anh Cao Hồng L được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia anh L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[8]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa Cao Thị T và anh Cao Hồng L.

2. Về quan hệ con chung: giao hai con chung là Cao Hoàng Tổ U, sinh ngày 11/4/2006 và Cao Nhật Đ, sinh ngày 06/10/2012 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Cao Hồng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 700.000đồng/con cho đến khi cháu U và Đ đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa không xét.

4. Về án phí: chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004437 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Cao Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/7/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

